

**HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ**

**NGHỊ ĐỊNH số 54-CP ngày 10-3-1975**  
ban hành Điều lệ về chế độ hợp  
đồng kinh tế.

**HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Chính phủ ngày 14-7-1960;*

*Căn cứ nghị định số 4-TTg ngày 4-1-1960 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ tạm thời về chế độ hợp đồng kinh tế;*

*Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp Thường vụ Hội đồng Chính phủ ngày 25-11-1974 thông qua Điều lệ về chế độ hợp đồng kinh tế;*

*Đề tăng cường quản lý kinh tế, bảo đảm tính pháp chế của chế độ hợp đồng kinh tế.*

**NGHỊ ĐỊNH**

**Điều 1.** — Nay ban hành kèm theo nghị định này bản Điều lệ về chế độ hợp đồng kinh tế.

**Điều 2.** — Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, căn cứ vào bản điều lệ này, phối hợp với Ủy ban Pháp chế và Hội đồng trọng tài kinh tế Nhà nước xây dựng điều lệ cụ thể cho việc ký kết từng loại hợp đồng kinh tế của ngành, trình Chính phủ ban hành.

**Điều 3.** — Bãi bỏ nghị định số 4-TTg ngày 4-1-1960 của Thủ tướng Chính phủ ban hành điều lệ tạm thời về chế độ hợp đồng kinh tế cũng như các điều quy định trước đây trong các văn bản khác trái với nghị định này và bản điều lệ kèm theo.

**Điều 4.** — Ông Chủ tịch Hội đồng trọng tài kinh tế Nhà nước hướng dẫn, giải thích và quy định chi tiết thi hành bản điều lệ ban hành kèm theo nghị định này.

**Điều 5.** — Các ông Bộ trưởng Phủ Thủ tướng, Chủ tịch Hội đồng trọng tài kinh tế Nhà nước, các ông Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban hành chính các khu, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành nghị định này và bản điều lệ kèm theo.

*Hà-nội, ngày 10 tháng 3 năm 1975*  
T.M. Hội đồng Chính phủ  
K.T. Thủ tướng Chính phủ

*Phó thủ tướng*  
**LÊ THANH NGHỊ**

**ĐIỀU LỆ**

**về chế độ hợp đồng kinh tế.**

*(ban hành kèm theo nghị định số 54-CP ngày 10-3-1975 của Hội đồng Chính phủ).*

**Điều 1.** — Hợp đồng kinh tế là công cụ pháp lý của Nhà nước trong việc xây dựng và phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Nó góp phần quan trọng trong việc kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân, củng cố chế độ hạch toán kinh tế, tăng cường quản lý kinh tế. Nó làm cho lợi ích của đơn vị kinh tế cơ sở khớp với lợi ích chung của nền kinh tế quốc dân, gắn liền công tác quản lý của Nhà nước với sự tự chịu trách nhiệm của các tổ chức kinh tế cơ sở. Nó xác lập và thắt chặt mối quan hệ hợp tác xã hội chủ nghĩa giữa các bên có liên quan đến việc ký kết hợp đồng kinh tế và thực hiện hợp đồng kinh tế đã ký kết, quy định rõ nghĩa vụ và trách nhiệm cụ thể của từng bên đối với nhau, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên ký kết, giúp đỡ các bên chuẩn bị kế hoạch, xây dựng kế hoạch một cách vững chắc, thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước với hiệu quả kinh tế cao nhất.

**Điều 2.** — Ký kết hợp đồng kinh tế là một kỷ luật của Nhà nước. Trong mọi hoạt động kinh tế có liên quan với nhau đều bắt buộc phải ký kết hợp đồng kinh tế. Sau khi có số kiểm tra kế hoạch và khi kế hoạch chính thức của Nhà nước được ban hành, các đơn vị, tổ chức cơ quan nói sau đây (gọi tắt là các đơn vị ký kết) phải ký kết hợp đồng kinh tế:

- Các tổ chức quốc doanh;
- Các tổ chức công tư hợp doanh;
- Các cơ quan quản lý Nhà nước, các đơn vị bộ đội, các tổ chức xã hội (gọi là đơn vị dự toán);
- Hợp tác xã các loại được công nhận theo các điều lệ hiện hành;
- Các tổ sản xuất tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp được phép kinh doanh và có tài khoản ở ngân hàng.

Không có hợp đồng kinh tế thì không được vay vốn, không được thanh toán. Chỉ được miễn ký kết hợp đồng kinh tế khi phải thi hành lệnh đặc biệt và khẩn cấp bằng văn bản của Thủ tướng Chính phủ, của Thủ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban hành chính khu, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, hoặc trong những việc mua bán, cung ứng, vận chuyển nhất thời, đột xuất thực hiện và thanh toán xong trong một lần, hoặc trong những hoạt động kinh tế có tính chất đặc biệt được Hội đồng Chính phủ cho phép.

**Điều 3.** - Sau khi ký kết hợp đồng kinh tế, các bên ký kết có nghĩa vụ hợp tác chặt chẽ, thường xuyên theo dõi giúp đỡ lẫn nhau để thực hiện đầy đủ và nghiêm chỉnh các điều đã cam kết. Hết thời hạn có hiệu lực của hợp đồng kinh tế thì các bên ký kết phải thanh lý hợp đồng.

Trường hợp thay đổi tổ chức thì đơn vị, tổ chức, cơ quan nào được chuyển giao nhiệm vụ phải tiếp tục thực hiện hợp đồng kinh tế. Nếu không có đơn vị, tổ chức, cơ quan nào tiếp tục làm nhiệm vụ cũ nữa, thì hợp đồng kinh tế phải được thanh lý trước khi thay đổi tổ chức.

**Điều 4.** - Trách nhiệm ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế là của đơn vị ký kết mà thủ trưởng là người đại diện.

Thủ trưởng của các bên tham gia hợp đồng vừa phải tranh thủ sự chỉ đạo của các cơ quan quản lý cấp trên, vừa phải cùng các đoàn thể quần chúng đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, động viên cán bộ, công nhân, nhân viên tích cực lao động, phát huy sáng kiến, áp dụng khoa học kỹ thuật, tận dụng mọi tiềm lực của đơn vị để cùng nhau giải quyết những khó khăn, mắc mứu trong khi ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế.

**Điều 5.** - Các vụ từ chối, trì hoãn ký kết hợp đồng kinh tế, ký thấp hơn chỉ tiêu pháp lệnh, ký kéo dài kỳ hạn thực hiện chỉ tiêu kế hoạch, và các vụ vi phạm những hợp đồng kinh tế đã được ký kết, cũng như các vụ tranh chấp trong các trường hợp được miễn ký kết hợp đồng kinh tế đã nói ở điều 2, đều do cơ quan trọng tài kinh tế Nhà nước và các cơ quan trọng tài kinh tế thuộc các ngành, các cấp xét xử theo bản điều lệ này.

**Điều 6.** - Sau khi có sổ kiểm tra kế hoạch và khi kế hoạch chính thức được ban hành, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, các Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm :

a) Phân bổ sổ kiểm tra và chỉ tiêu kế hoạch đến các đơn vị cơ sở trực thuộc, đồng thời thông báo những phần cần thiết cho các cơ quan có liên quan biết ;

b) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị cơ sở trực thuộc ký kết hợp đồng kinh tế (hoặc điều chỉnh hợp đồng nếu chỉ tiêu kế hoạch có thay đổi so với hợp đồng đã ký) và thực hiện hợp đồng kinh tế đã ký kết ;

c) Kịp thời giải quyết hoặc cùng cơ quan quản lý bên kia bàn bạc giải quyết các mắc mứu khó khăn của đơn vị cơ sở được phát hiện trong quá trình ký kết hợp đồng kinh tế và thực hiện hợp

đồng kinh tế đã ký kết. Trong cả 2 trường hợp đều phải có văn bản chỉ đạo các đơn vị cơ sở trực thuộc thực hiện.

**Điều 7.** - Các cơ quan quản lý chức năng các cấp (kế hoạch, vật tư, tài chính, ngân hàng, vật giá...) trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình, phải kịp thời giải quyết các mắc mứu được phát hiện qua khâu ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế.

**Điều 8.** - Căn cứ để ký kết hợp đồng kinh tế là :

- Các sổ kiểm tra, các phương hướng nhiệm vụ và các chỉ tiêu của kế hoạch Nhà nước dài hạn và ngắn hạn do cấp có thẩm quyền giao. Tùy theo kế hoạch dài hạn hoặc ngắn hạn mà ký kết hợp đồng kinh tế dài hạn hoặc ngắn hạn ;

- Các chế độ thề lệ hiện hành về quản lý kinh tế ;

- Các văn bản chỉ đạo hướng dẫn ký kết hợp đồng kinh tế của các cơ quan quản lý cấp trên.

Các bên ký kết có thể ký cao hơn chỉ tiêu kế hoạch được giao nếu xét có đủ khả năng thực hiện.

Tùy tình hình và khả năng cụ thể, các bên ký kết có thể thỏa thuận ký kết với nhau những hợp đồng kinh tế ngoài chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước với điều kiện không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch được giao và không trái với các chế độ thề lệ hiện hành về quản lý kinh tế.

**Điều 9.** - Thủ tục ký kết hợp đồng kinh tế được quy định như sau :

a) Hợp đồng kinh tế phải được ký kết khàn trương, kịp thời và trực tiếp giữa các bên có liên quan. Thời hạn hoàn thành việc ký kết hợp đồng kinh tế phải phù hợp với tiến độ xây dựng kế hoạch và yêu cầu chuẩn bị thực hiện kế hoạch.

b) Có thể ký kết hợp đồng kinh tế bằng hai cách : các bên ký kết chủ động gặp nhau bàn bạc đề cùng ký kết ; hoặc một bên dự thảo hợp đồng và ký trước, gửi bên kia nghiên cứu đề ký sau. Bên nhận được dự thảo phải ký hoặc trả lời trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo. Quá hạn mà bên nhận dự thảo không trả lời thì coi như đã chấp nhận hợp đồng, có nghĩa vụ thực hiện, và chịu trách nhiệm về mọi hậu quả xảy ra.

Trong cả hai cách ký kết, đối với hợp đồng kinh tế ký kết cho cả năm, thì thời hạn hoàn thành việc ký kết không được chậm quá 30 ngày kể từ ngày có sổ kiểm tra hoặc ngày ban hành kế hoạch chính thức.

c) Trong khi bàn bạc ký kết hợp đồng kinh tế, nếu có những tranh chấp ngoài quyền hạn

giải quyết của các bên ký kết thì các bên ký kết vẫn phải ký ngay những điều đã thỏa thuận rồi quy định thời gian phải ký tiếp về những vấn đề của tranh chấp, đồng thời báo cáo các vấn đề đó đến các cơ quan có thẩm quyền quyết định. Các cơ quan này có trách nhiệm nghiên cứu giải quyết kịp thời các vấn đề còn tranh chấp như đã quy định ở điểm c điều 6, đảm bảo thời hạn ký tiếp đã quy định trong hợp đồng.

d) Thủ trưởng đơn vị ký kết có trách nhiệm ký vào bản hợp đồng kinh tế. Ngoài chữ ký của thủ trưởng còn phải có chữ ký của kế toán trưởng của đơn vị ký kết.

Thủ trưởng đơn vị ký kết có thể ủy quyền cho người khác ký thay nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm như chính mình ký. Trong trường hợp này phải có giấy ủy quyền trong đó ghi rõ họ, tên, chức vụ của người được ủy quyền, nội dung của việc ủy quyền và thời hạn ủy quyền. Giấy ủy quyền phải ghi rõ số, ngày, có chữ ký của thủ trưởng và dấu của đơn vị.

Chủ nhiệm hoặc phó chủ nhiệm các hợp tác xã, tổ trưởng các tổ sản xuất tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp phải trực tiếp ký vào hợp đồng kinh tế, không được ủy quyền cho người khác.

**Điều 10.** — Nội dung hợp đồng kinh tế không được in sẵn. Các điều khoản của hợp đồng kinh tế phải được ghi thật rõ ràng, cụ thể, chính xác và không trái với pháp luật của Nhà nước.

Trường hợp chưa có quy định của Nhà nước hoặc đối với những loại hợp đồng có đặc điểm riêng mà Nhà nước chưa có những quy định đầy đủ và thích hợp thì các bên tự thỏa thuận với nhau để ký kết và báo cáo ngay cho các cơ quan quản lý cấp trên để xin quyết định chuẩn y. Sự chuẩn y thống nhất của các cơ quan quản lý cấp trên của hai bên có giá trị tạm thời thì hành đối với hợp đồng đó cho đến khi có quy định của Nhà nước. Hết thời hạn có hiệu lực của hợp đồng kinh tế mà chưa có quyết định chuẩn y của cơ quan quản lý cấp trên hoặc chưa có quy định của Nhà nước, thì nội dung mà hai bên đã tự thỏa thuận như đã nói trên có giá trị để kết thúc hợp đồng kinh tế.

Các điểm tẩy xóa hay sửa lại trong hợp đồng kinh tế phải được các bên ký kết xác nhận.

**Điều 11.** — Nội dung hợp đồng kinh tế phải bao gồm các điều khoản chủ yếu sau đây :

a) Tên, địa chỉ của đơn vị ký kết hợp đồng — số tài khoản, ngân hàng giao dịch ;

b) Tên, chức vụ của những người ký kết ; nếu người ký kết là người được ủy quyền thì phải ghi rõ số, ngày của giấy ủy quyền ;

c) Các điều khoản hai bên cam kết thực hiện :

— Nội dung công việc giao dịch ;

— Số lượng (bao gồm số lượng, trọng lượng — cả trọng lượng tịnh và trọng lượng có bao bì, — khối lượng công việc, khối lượng vận tải, khối lượng công trình xây dựng cơ bản cả chính và phụ...) ghi theo đơn vị đo lường hợp pháp của Nhà nước ;

— Chất lượng hoặc phẩm cấp sản phẩm (nếu có) ;

— Giá cả ;

— Thời gian, địa điểm, phương thức giao nhận, phương thức kiểm nghiệm ;

— Phương thức thanh toán,

d) Trách nhiệm vật chất ;

d) Thời gian có hiệu lực của hợp đồng kinh tế

Tùy theo đặc điểm cụ thể của từng loại hợp đồng kinh tế được ký kết và tùy theo tình hình thực hiện trong quá trình thực hiện hợp đồng kinh tế, các bên ký kết có thể thỏa thuận ghi thêm những điều cần thiết khác cho phù hợp nhưng không được trái với pháp luật Nhà nước.

**Điều 12.** — Chất lượng ghi trong hợp đồng kinh tế bao gồm quy cách, phẩm chất, tiêu chuẩn kinh tế kỹ thuật, bao bì, đóng gói, thời hạn bảo hành của sản phẩm. Chất lượng phải theo tiêu chuẩn của Nhà nước, của ngành, của địa phương. Đối với sản phẩm mới chưa có quy định của Nhà nước, của ngành, của địa phương thì các bên thỏa thuận quyết định, đồng thời báo cáo cơ quan quản lý cấp trên để xin ý kiến giải quyết.

**Điều 13.** — Phải chấp hành chế độ giá cả của Nhà nước ; nếu chưa có giá quy định thì các bên ký kết được phép tính giá thỏa thuận, đồng thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền xin duyệt giá. Khi có giá chính thức thì các bên điều chỉnh lại giá và thanh toán với nhau số tiền chênh lệch về giá, kể từ ngày có hiệu lực của giá chính thức.

Hết thời hạn có hiệu lực của hợp đồng kinh tế mà vẫn chưa có giá chính thức thì các bên ký kết được phép thanh toán theo giá thỏa thuận và kết thúc hợp đồng kinh tế nếu không có quy định gì khác.

**Điều 14.** — Sản phẩm phải được giao nhận đúng số lượng và đồng bộ, đúng chất lượng, đúng kỳ hạn và lịch giao nhận, đúng địa điểm.

Sản phẩm với khối lượng lớn, kể cả thiết bị máy móc, có thể giao nhận từng đợt, từng chuyến, theo lịch do hai bên thỏa thuận.

Nếu có tranh chấp trong khi giao nhận thì các bên giao nhận phải lập biên bản. Nếu một bên được mời mà không đến, hoặc một bên từ chối

ký vào biên bản thì bên kia cứ lập biên bản, có sự chứng kiến và xác nhận của chính quyền hay công an sở tại về việc vắng mặt hoặc từ chối đó.

Sản phẩm giao không đúng số lượng thì bên nhận chỉ thanh toán theo số lượng thực nhận.

Đến kỳ hạn quy định mà sản phẩm không được giao đồng bộ và không sử dụng được thì bên nhận có quyền từ chối không nhận và không thanh toán, nhưng không được làm trở ngại đến việc giải phóng phương tiện vận chuyển.

Sản phẩm giao trước kỳ hạn phải được các bên ký kết thỏa thuận. Bên nhận có quyền từ chối không nhận và không thanh toán những sản phẩm giao sai kỳ hạn, nếu việc nhận sản phẩm không đáp ứng được yêu cầu của mình, hoặc sản phẩm không thể sử dụng được vào việc gì khác.

Bên giao có trách nhiệm sửa chữa lại các sản phẩm giao không đúng chất lượng và chịu mọi phí tổn, hoặc thay thế bằng sản phẩm khác, hoặc giảm giá nếu có lợi cho Nhà nước và xét thấy không có ảnh hưởng gì đến kế hoạch của bên nhận.

Trường hợp có tranh chấp về chất lượng sản phẩm thì các bên giao nhận tự tổ chức kiểm nghiệm để giải quyết với nhau, hoặc mời cơ quan giám định có thẩm quyền của Nhà nước đến giám định. Phí tổn giám định do bên yêu cầu giám định trả trước, sau đó, tùy theo kết quả giám định, bên có lỗi phải thanh toán lại.

Việc lưu kho, lưu bãi, bảo quản sản phẩm và các chi phí cho các việc đó, phải theo đúng các quy định hiện hành. Trường hợp chưa có quy định thì các bên ký kết có thể thỏa thuận với nhau và ghi vào hợp đồng kinh tế.

**Điều 15.** — Việc điều chỉnh và hủy bỏ hợp đồng kinh tế được quy định như sau :

a) Hợp đồng kinh tế được điều chỉnh hoặc hủy bỏ khi chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước do cấp có thẩm quyền giao được điều chỉnh hoặc hủy bỏ. Thời hạn điều chỉnh, hủy bỏ hợp đồng kinh tế là 15 ngày kể từ ngày kế hoạch Nhà nước được điều chỉnh hay hủy bỏ.

b) Đối với các điều khoản về biện pháp thực hiện thì các bên ký kết có thể tự thỏa thuận điều chỉnh hay hủy bỏ ; đối với hợp đồng kinh tế được ký kết ngoài chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước và theo quy định của điều 8 cũng có thể do các bên ký kết thỏa thuận điều chỉnh hoặc hủy bỏ.

c) Mọi việc điều chỉnh, hủy bỏ hợp đồng kinh tế không theo đúng các quy định ở điểm a và b nói trên đều coi là vi phạm chế độ hợp đồng kinh tế.

d) Khi có sự điều chỉnh, hủy bỏ hợp đồng kinh tế, các bên ký kết phải cùng nhau bàn bạc đề kịp thời giải quyết những hậu quả do việc điều chỉnh hay hủy bỏ ấy gây ra.

**Điều 16.** — Cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị ký kết phải thi hành kỷ luật hành chính đối với những người hoặc đơn vị trì hoãn, từ chối ký kết hợp đồng kinh tế sau khi có số kiểm tra của kế hoạch Nhà nước mà không có lý do chính đáng, đồng thời phải bắt buộc những người hoặc đơn vị đó ký hợp đồng kinh tế theo đúng chế độ thê lệ của Nhà nước.

**Điều 17.** — Sau khi có chỉ tiêu chính thức của kế hoạch Nhà nước, mọi việc trì hoãn, từ chối ký kết hợp đồng kinh tế, ký thấp hơn chỉ tiêu pháp lệnh, ký kéo dài kỳ hạn thực hiện chỉ tiêu kế hoạch, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ và nghiêm chỉnh hợp đồng kinh tế đã ký kết, đều bị coi là vi phạm chế độ hợp đồng kinh tế.

Bên vi phạm chế độ hợp đồng kinh tế phải chịu trách nhiệm vật chất như sau :

— Nộp phạt hợp đồng kinh tế từ 2 đến 5% (năm phần nghìn) giá trị hợp đồng kinh tế nhưng không dưới 50 đồng ;

— Bồi thường thiệt hại thực tế đã gây ra cho bên cùng ký kết. Trường hợp các bên không nhất trí về mức tính toán thiệt hại thực tế thì cơ quan trọng tài kinh tế xét xử sẽ quyết định số tiền phải bồi thường.

**Điều 18.** — Khi xảy ra những vụ vi phạm chế độ hợp đồng kinh tế, các bên ký kết phải cùng nhau bàn bạc giải quyết. Nếu có những vấn đề ngoài quyền hạn giải quyết của mình thì phải kịp thời báo cáo lên cơ quan có thẩm quyền để xin quyết định giải quyết những vấn đề đó.

Nếu các bên ký kết đã bàn bạc và cơ quan có thẩm quyền đã có quyết định giải quyết mà không có kết quả thì các bên ký kết phải khiếu nại đến cơ quan trọng tài kinh tế có thẩm quyền xét xử.

Đơn khiếu nại phải nói rõ ràng và trung thực sự việc, nêu những yêu cầu cần được giải quyết, đồng thời phải kèm theo hồ sơ có đầy đủ bản sao hợp đồng, biên bản các cuộc họp thương lượng giữa các bên ký kết, các văn bản của các cơ quan quản lý cấp trên nếu có, và các chứng từ tài liệu khác.

**Điều 19.** — Tiền phạt hợp đồng kinh tế và tiền bồi thường được giải quyết như sau :

a) Đối với các đơn vị hạch toán kinh tế :

— Tiền phạt hợp đồng kinh tế : trích ở quỹ phúc lợi mà nộp vào ngân sách Nhà nước ;

— Tiền bồi thường : hạch toán vào chi phí quản lý xí nghiệp. Bên bị thiệt hại được sử dụng toàn bộ tiền bồi thường.

b) *Đối với đơn vị dự toán* : trừ vào hạng mục kinh phí ngân sách được cấp. Nếu hạng mục kinh phí ngân sách đã hết hoặc không đủ thì trích vào tổng số kinh phí được cấp.

Nếu nguyên nhân vi phạm là do sự chỉ đạo có thiếu sót của cơ quan cấp trên thì bên vi phạm vẫn phải nộp phạt và bồi thường thiệt hại. Cơ quan quản lý cấp trên có thiếu sót có trách nhiệm giải quyết kịp thời những thiệt hại gây ra cho đơn vị cơ sở.

**Điều 20.** — Không được nộp phạt hợp đồng kinh tế và bồi thường thiệt hại bằng cách trừ nợ lẫn nhau.

Đi đôi với việc nộp phạt hợp đồng kinh tế và bồi thường thiệt hại, bên vi phạm vẫn phải tiếp tục thực hiện hợp đồng kinh tế nếu không có quy định gì khác.

**Điều 21.** — Thời hạn nộp phạt hợp đồng và bồi thường thiệt hại do cơ quan trọng tài kinh tế xét xử quyết định, tùy theo tình hình cụ thể của vụ xét xử, nhưng dài nhất không quá 30 ngày, kể từ ngày ký quyết định xét xử.

Quá thời hạn nói trên mà bên vi phạm không chấp hành đầy đủ quyết định xét xử về việc nộp phạt hợp đồng và bồi thường thiệt hại thì cơ quan ngân hàng Nhà nước, căn cứ vào quyết định xét xử, tự động trích tài khoản của bên vi phạm để trả cho bên được nhận, đồng thời bắt phạt chậm nộp theo tỷ lệ 0,025% một ngày trên số tiền chậm nộp. Nếu tài khoản của bên vi phạm không đủ tiền nộp hoặc hết tiền thì ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm trích nộp ngay sau khi có tiền vào tài khoản.

Trong trường hợp tài khoản của bên vi phạm có tiền mà ngân hàng Nhà nước không trích nộp thì ngân hàng Nhà nước phải phạt chậm thanh toán cũng theo tỷ lệ 0,025% một ngày và nộp vào ngân sách Nhà nước.

**Điều 22.** — Bên vi phạm được miễn nộp phạt hợp đồng và bồi thường thiệt hại nếu việc vi phạm là do các nguyên nhân sau đây :

— Gặp thiên tai địch họa, hoặc trở lực khách quan đã cố gắng hết sức mình để khắc phục mà không đạt kết quả và sau đó đã thông báo kịp thời cho bên cùng ký kết biết. Mọi hậu quả sẽ được giải quyết theo thể lệ hiện hành của Nhà nước ;

— Phải thi hành một mệnh lệnh đặc biệt và khẩn cấp của Thủ tướng Chính phủ. Trong trường hợp quan hệ hợp đồng trong nội bộ các đơn vị thuộc một Bộ, Tổng cục hoặc một địa phương thì những đơn vị, vi phạm thi hành lệnh khẩn cấp của Bộ trưởng, Tổng cục trưởng hoặc của Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố mà vi phạm thì cũng được miễn phạt hợp đồng và bồi thường thiệt hại.

Thủ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban hành chính khu, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải chịu trách nhiệm về lệnh của mình nếu việc thi hành lệnh đó gây thiệt hại cho đơn vị cơ sở trực thuộc, cho ngành khác, địa phương khác. Bên thi hành lệnh phải thông báo kịp thời cho bên cùng ký kết biết.

**Điều 23.** — Những cá nhân, do thiếu tinh thần trách nhiệm, đã gây ra vụ vi phạm, làm thiệt hại đến tài sản Nhà nước, thì tùy theo trường hợp nặng nhẹ sẽ bị xử phạt theo một hoặc cả ba hình thức sau đây :

— Bị phạt tiền trừ vào lương, hoặc tiền thưởng cá nhân ;

— Bị kỷ luật hành chính ;

— Bị truy tố về hình sự theo pháp luật hiện hành.

**Điều 24.** — Nếu việc vi phạm hợp đồng kinh tế là do lỗi của một đơn vị thứ ba có quan hệ trực tiếp với bên vi phạm gây nên thì bên vi phạm vẫn phải chịu trách nhiệm trước bên cùng ký kết, sau đó làm khiếu nại về trách nhiệm của đơn vị thứ ba với cơ quan trọng tài kinh tế có thẩm quyền xét xử để được đền bù lại số thiệt hại phải chịu mà không phải do lỗi của mình.

**Điều 25.** — Bản điều lệ này có hiệu lực từ ngày được ban hành. Các quy định trước đây trái với bản điều lệ này đều được bãi bỏ.

Việc ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế về giao, nhận và thanh toán hàng nhập khẩu vẫn theo nghị định số 200-CP ngày 31-12-1973 của Hội đồng Chính phủ.

**Điều 26.** — Các ông Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng trọng tài kinh tế Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban hành chính khu, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành bản điều lệ này.

Căn cứ bản điều lệ này, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính

phối hợp với Ủy ban Pháp chế, Hội đồng trọng tài kinh tế Nhà nước xây dựng những điều lệ cụ thể cho việc ký kết từng loại hợp đồng kinh tế của ngành, trình Chính phủ ban hành.

**Điều 27.** — Ông Chủ tịch Hội đồng trọng tài kinh tế Nhà nước có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý có liên quan đề hướng dẫn, giải thích và quy định chi tiết thi hành bản điều lệ này.

T.M. Hội đồng Chính phủ  
K.T. Thủ tướng Chính phủ

*Phó thủ tướng*  
**LÊ THANH NGHỊ**

## CÁC BỘ

### *LIÊN BỘ Y TẾ — VĂN HÓA*

**THÔNG TƯ liên bộ số 2-TT/LB ngày 14-1-1975 về việc chỉ đạo công tác vệ sinh phòng bệnh trong cuộc vận động xây dựng nếp sống mới.**

Cuộc vận động xây dựng nếp sống mới ở miền Bắc nước ta hiện nay là một cuộc vận động cách mạng có tính chất sâu sắc và toàn diện, có phạm vi hoạt động rộng lớn. Đề phục vụ chủ trương tổ chức lại sản xuất nông nghiệp và phong trào lao động sản xuất nói chung, vấn đề giữ gìn sức khỏe có vị trí rất lớn, đòi hỏi có sự phối hợp chặt chẽ của nhiều ngành, nhiều cấp. Trong phạm vi y tế, văn hóa, liên bộ thấy cần có sự phối hợp chỉ đạo chung để thống nhất chương trình kế hoạch hoạt động từ trung ương đến cơ sở. Trong việc phối hợp chỉ đạo đó ngành y tế chịu trách nhiệm chính về mặt hướng dẫn kỹ thuật chuyên môn; ngành văn hóa chịu trách nhiệm về mặt tuyên truyền vận động bằng các hình thức văn học nghệ thuật.

Trên tinh thần đó, liên bộ ra thông tư này nhằm giúp các địa phương thấy rõ được mục đích, yêu cầu, nội dung công tác và biện pháp thực hiện.

## **I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU**

1. Làm cho công tác vệ sinh phòng bệnh gắn liền với phong trào xây dựng nếp sống mới của quần chúng, trước mắt nhằm thực hiện tốt quy ước tổ chức lại đám tang, đám cưới, giỗ, tết, hội hè.

2. Phối hợp về mặt tuyên truyền vận động để gây thành một phong trào vệ sinh phòng bệnh, phòng dịch trong quần chúng, từng bước đưa phong trào ấy tiến lên, đáp ứng yêu cầu về sức khỏe, về tuổi thọ của quần chúng, phục vụ tốt nhiệm vụ sản xuất, quốc phòng và xây dựng cuộc sống mới, con người mới.

3. Từng bước làm thay đổi bộ mặt văn hóa, xã hội miền Bắc nước ta.

## **II. NỘI DUNG CÔNG TÁC CỤ THỂ CỦA PHONG TRAO VỆ SINH PHÒNG BỆNH**

Muốn giải quyết 3 yêu cầu chính nói trên, liên bộ Y tế — Văn hóa chủ trương từ nay đến cuối năm 1975 các Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố và các Sở, Ty y tế, văn hóa cần tiến hành những việc cụ thể như sau.

### **1. Đối với vùng thành thị và công nghiệp:**

— Tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân dân, chủ yếu là công nhân và thị dân hàng tuần tích cực làm tổng vệ sinh đường phố, xí nghiệp, cơ quan, trường học.

— Khẩn trương thu dọn hết những đồng rác, những đồng gạch, ngói, sắt, thép vụn hay những phế liệu khác trong thời kỳ chiến tranh còn đọng lại, chuyển những thứ ấy đi nơi khác, hoặc đem lấp các hố bom, các chỗ trũng, nhằm làm cho vùng này được sạch sẽ phong quang, đồng thời góp phần giải quyết mặt bằng đất đai để mở rộng thêm đường sá, xây dựng thêm cơ sở sản xuất, nhà ở hoặc những công trình phúc lợi khác cho nhân dân.

— Thanh toán kịp thời các nguồn phân, nước tiểu, các nguồn rác thải hàng ngày, khơi thông các cống rãnh, mương máng, chắm dứt tệ vứt rác, vứt súc vật chết hay những vật uế tạp khác ra đường phố. Các hố xí công cộng cần được bảo đảm đủ với nhu cầu và cần được dọn sạch thường xuyên.

— Ở các cửa hàng thực phẩm, các hàng ăn, giải khát phải có chế độ kiểm tra việc thực hiện

09663938  
Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com